

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO**NGHỊ ĐỊNH****Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020 (sau đây gọi là “Luật Xử lý vi phạm hành chính”);

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022 (sau đây gọi là “Luật Sở hữu trí tuệ”);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định về các hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; thủ tục nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền, thủ tục giải quyết đơn yêu cầu xử lý vi phạm; thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Các hành vi vi phạm hành chính khác về quyền tác giả, quyền liên quan không quy định tại Nghị định này được áp dụng theo quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

3. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan xảy ra trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet cũng bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định này nếu người tiêu dùng, người dùng hoặc người khai thác, sử dụng nội dung thông tin số tại Việt Nam.

3. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư vi phạm hành chính bị áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân vi phạm hành chính.

4. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt theo quy định tại các khoản 1 và 2 của Điều này, bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

b) Doanh nghiệp Việt Nam và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh); doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

d) Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan;

đ) Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan;

e) Tổ chức giám định về quyền tác giả, quyền liên quan;

g) Tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

h) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật. **Điều 3. Hình thức xử phạt**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- b) Tước quyền sử dụng Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.

Điều 3a. Biện pháp khắc phục hậu quả

Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, đ, g và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

1. Buộc nêu đúng tên thật hoặc bút danh của tác giả, người biểu diễn;
2. Buộc thông tin về tên tác giả, nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm, thông tin về cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng;
3. Buộc xin lỗi, cải chính công khai thông tin sai sự thật đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;
4. Buộc thu hồi văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan và gỡ bỏ trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet;
5. Buộc nộp lại văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan đã bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan đã cấp và gỡ bỏ trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet;
6. Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa sao chép lậu, hàng hóa xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;

7. Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào; trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet;

8. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi báo, tạp chí in có quảng cáo;

9. Buộc đặt thông báo về việc tạo bản sao phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với các thiết bị sao chép đặt trong khuôn viên thư viện;

10. Buộc có biện pháp kiểm soát số lượng người truy cập trong liên thông thư viện;

11. Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản sao đã cung cấp tới công chúng trong liên thông thư viện;

12. Buộc thu hồi bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận;

13. Buộc cung cấp danh mục, thời lượng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã sử dụng trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan;

14. Buộc gỡ bỏ biện pháp ngăn chặn, cản trở trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet;

15. Buộc thực hiện việc thông báo, công bố, đăng tải, công khai thông tin, tài liệu trên trang thông tin điện tử của tổ chức theo quy định;

16. Buộc thực hiện việc cung cấp thông tin, thông báo, báo cáo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

17. Buộc hoàn trả cho tổ chức, cá nhân bị xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm;

18. Buộc cảnh báo cho người sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian về trách nhiệm pháp lý về quyền tác giả, quyền liên quan;

19. Buộc xây dựng công cụ tiếp nhận yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;

20. Buộc tạm gỡ bỏ hoặc tạm ngăn chặn việc truy nhập hoặc gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập hoặc khôi phục lại nội dung thông tin số đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian theo quy định;

21. Buộc gửi kèm các thông tin liên quan cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền;

22. Buộc công khai đầy đủ báo cáo thường niên, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán tại Hội nghị thường niên của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan;

23. Buộc lưu trữ các khoản tiền bản quyền thu từ việc cấp phép trong tài khoản tách biệt với các tài sản, tài khoản, các khoản thu, chi khác của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định;

24. Buộc thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định;

25. Buộc xây dựng biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định;

26. Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khoản tiền giữ lại không theo tỷ lệ quy định hoặc khoản tiền sử dụng sai quy định của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan;

27. Buộc bàn giao khoản tiền bản quyền thu được, các khoản lãi ngân hàng phát sinh và các tài liệu liên quan về cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý theo quy định;

28. Buộc thu hồi tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tẩu tán hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan là 02 năm.

2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;

c) Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân do người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính chuyển đến thì thời hiệu xử phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, điểm a và điểm b khoản này tính đến thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện và hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc về quyền tác giả, quyền liên quan

a) Hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đang thực hiện là hành vi đang diễn ra tại thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện vi phạm hành chính và hành vi đó vẫn đang xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, xâm hại trật tự quản lý nhà nước

b) Hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đã kết thúc là hành vi được thực hiện một lần hoặc nhiều lần và có căn cứ xác định hành vi đã thực hiện xong trước thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện vi phạm hành chính.

4. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, nếu tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt của cơ quan có thẩm quyền thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 5. Quy định mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức

1. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan đối với cá nhân là 250.000.000 đồng. Mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức là 500.000.000 đồng.

Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

2. Khung tiền phạt quy định tại Chương II của Nghị định này là khung tiền phạt áp dụng đối với cá nhân, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 37, các khoản 1, 2, 3, 4, 5, và 7 Điều 41, các điều 45, 46, điểm d khoản 4 Điều 47 và Điều 48 của Nghị định này.

3. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương IV của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân. Thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân.

Điều 6. Xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm

Trường hợp cần xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì thực hiện theo quy định tại Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 81 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan (sau đây gọi là “Nghị định số 17/2023/NĐ-CP”).

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1

HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 7. Hành vi xâm phạm quyền đứng tên trên tác phẩm, nêu tên khi tác phẩm được công bố, sử dụng

1. Cảnh cáo đối với vi phạm lần đầu đối với hành vi sử dụng tác phẩm mà không nêu tên thật, bút danh tác giả hoặc nêu không đúng tên thật hoặc bút danh tác giả trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi sử dụng tác phẩm mà không nêu tên thật, bút danh tác giả hoặc nêu không đúng tên thật hoặc bút danh tác giả trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tái phạm sử dụng tác phẩm mà không nêu tên thật, bút danh tác giả hoặc nêu không đúng tên thật hoặc bút danh tác giả trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Cố ý nêu sai tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ tác phẩm khi khai thác, sử dụng.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi mạo danh tác giả, giả mạo tên, giả mạo chữ ký của tác giả trên tác phẩm.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nêu đúng tên thật hoặc bút danh tác giả trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có thông tin sai lệch về tên tác giả đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Buộc xin lỗi, cải chính công khai thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này;

c) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc loại bỏ yếu tố vi phạm thì

áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.

Điều 8. Hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tự ý sửa đổi, cắt xén tác phẩm gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xuyên tạc tác phẩm.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin lỗi, cải chính công khai thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên bản gốc, bản sao vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc loại bỏ yếu tố vi phạm thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.

Điều 9. Hành vi xâm phạm quyền công bố tác phẩm

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi công bố tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin lỗi, cải chính công khai đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 10. Hành vi xâm phạm quyền làm tác phẩm phái sinh

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm tác phẩm phái sinh mà ảnh hưởng đến quyền nhân thân quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ nhưng không được sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả hoặc tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 11. Hành vi xâm phạm quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi biểu diễn gián tiếp tác phẩm thông qua bản ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được nhưng công chúng không thể tự do lựa chọn thời gian và từng phần tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi biểu diễn trực tiếp tác phẩm trước công chúng mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp;

b) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 12. Hành vi xâm phạm quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê bản gốc, bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Hành vi xâm phạm quyền phân phối tác phẩm

1. Phạt tiền đối với hành vi phân phối tác phẩm đến công chúng mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả như sau, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền

tác giả dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi phân phối tác phẩm mỹ thuật đến công chúng mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 14. Hành vi xâm phạm quyền nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm để phân phối đến công chúng mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tái xuất tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc tái xuất thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy.

Điều 15. Hành vi xâm phạm quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng tác phẩm

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi phát sóng, truyền đạt đến công chúng tác phẩm bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, bao gồm cả việc cung cấp đến công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Hành vi xâm phạm quyền sao chép tác phẩm

1. Phạt tiền đối với hành vi sao chép tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định như sau, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sao chép tác phẩm mỹ thuật mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 17. Hành vi xâm phạm quyền được giới thiệu tên của người biểu diễn

1. Cảnh cáo đối với vi phạm lần đầu đối với hành vi không giới thiệu tên hoặc giới thiệu không đúng tên người biểu diễn khi biểu diễn, khi phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi không giới thiệu tên hoặc giới thiệu không đúng tên người biểu diễn khi biểu diễn, khi phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tái phạm đối với hành vi không giới thiệu tên hoặc giới thiệu không đúng tên người biểu diễn khi biểu diễn, khi phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Hành vi cố ý giới thiệu sai tên người biểu diễn khi biểu diễn, khi phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi mạo danh người biểu diễn để biểu diễn tác phẩm.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin lỗi, cải chính công khai thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này;

b) Buộc nêu đúng tên người biểu diễn trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có thông tin sai lệch về tên người biểu diễn đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

c) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc loại bỏ yếu tố vi phạm thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.

Điều 18. Hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn hình tượng biểu diễn

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tự ý sửa đổi, cắt xén hình tượng biểu diễn gây phương hại đến danh dự và uy tín của người biểu diễn.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xuyên tạc hình tượng biểu diễn.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin lỗi, cải chính công khai đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản sao bản định hình cuộc biểu diễn vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet hoặc buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 19. Hành vi xâm phạm quyền định hình cuộc biểu diễn trực tiếp

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi định hình cuộc biểu diễn trực tiếp trên bản ghi âm, ghi hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao bản ghi âm, ghi hình vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet hoặc buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 20. Hành vi xâm phạm quyền sao chép cuộc biểu diễn

1. Phạt tiền đối với hành vi sao chép cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với biểu diễn như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Hành vi xâm phạm quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng cuộc biểu diễn chưa được định hình

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi phát sóng, truyền đạt đến công chúng cuộc biểu diễn chưa được định hình theo cách

mà công chúng có thể tiếp cận được mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn, trừ trường hợp cuộc biểu diễn đó nhằm mục đích phát sóng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao cuộc biểu diễn vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 22. Hành vi xâm phạm quyền phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản định hình cuộc biểu diễn

1. Phạt tiền đối với hành vi phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản định hình cuộc biểu diễn dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 23. Hành vi xâm phạm quyền nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản định hình cuộc biểu diễn

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản định hình cuộc biểu diễn dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tái xuất tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc tái xuất thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy.

Điều 24. Hành vi xâm phạm quyền cho thuê thương mại tới công chúng bản gốc hoặc bản sao cuộc biểu diễn đã được định hình trong bản ghi âm, ghi hình

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê thương mại tới công chúng bản gốc hoặc bản sao cuộc biểu diễn đã được định hình trong bản ghi âm, ghi hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 25. Hành vi xâm phạm quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng bản định hình cuộc biểu diễn

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi phát sóng, truyền đạt đến công chúng bản định hình cuộc biểu diễn, bao gồm cả cung cấp đến công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao cuộc biểu diễn vi phạm trên phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 26. Hành vi xâm phạm quyền sao chép bản ghi âm, ghi hình

1. Phạt tiền đối với hành vi sao chép toàn bộ hoặc một phần bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi trích ghép bản ghi âm, ghi hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trường hợp không áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 27. Hành vi xâm phạm quyền phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình

1. Phạt tiền đối với hành vi phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đối với hành vi quy

định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 28. Hành vi xâm phạm quyền nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tái xuất tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc tái xuất thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy.

Điều 29. Hành vi xâm phạm quyền cho thuê thương mại tới công chúng bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê thương mại tới công chúng bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 30. Hành vi xâm phạm quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng bản ghi âm, ghi hình

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi phát sóng, truyền đạt đến công chúng bản ghi âm, ghi hình, bao gồm cả cung cấp tới công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao bản ghi âm, ghi hình vi phạm trên phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 31. Hành vi xâm phạm quyền phát sóng, tái phát sóng chương trình phát sóng

1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi phát sóng, tái phát sóng chương trình phát sóng mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao bản định hình chương trình phát sóng vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 32. Hành vi xâm phạm quyền phân phối đến công chúng bản định hình chương trình phát sóng

1. Phạt tiền đối với hành vi phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản định hình chương trình phát sóng dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 40.000.000 đồng

đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 33. Hành vi xâm phạm quyền nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản định hình chương trình phát sóng

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản định hình chương trình phát sóng dưới dạng hữu hình mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tái xuất tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc tái xuất thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy.

Điều 34. Hành vi xâm phạm quyền định hình chương trình phát sóng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi định hình chương trình phát sóng mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao chương trình phát sóng trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet hoặc buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp phát sinh số lợi bất hợp pháp.

Điều 35. Hành vi xâm phạm quyền sao chép bản định hình chương trình phát sóng

1. Phạt tiền đối với hành vi sao chép bản định hình chương trình phát sóng mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi trích ghép chương trình phát sóng mà không được phép của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại

thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 36. Hành vi nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng hóa sao chép lậu

1. Phạt tiền đối với hành vi vận chuyển hàng hóa sao chép lậu theo quy định như sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền đối với hành vi nhập khẩu, buôn bán hàng hóa sao chép lậu theo quy định như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được dưới 10.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan dưới 20.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá dưới 20.000.000 đồng;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt

hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp số lợi bất hợp pháp thu được từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái xuất tang vật vi phạm đối với hành vi nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc tái xuất thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy;

b) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP đối với hành vi quy định tại khoản 1 và hành vi buôn bán quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy hoặc buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet;

c) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 37. Hành vi vi phạm quy định về trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, ngoại lệ không xâm phạm quyền liên quan

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thông tin về tên tác giả, nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm, về cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng khi sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã công bố trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả hoặc ngoại lệ không xâm phạm quyền liên quan.

2. Cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi vi phạm của thư viện theo quy định như sau:

a) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không đặt thông báo về việc tạo bản sao phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với các thiết bị sao chép đặt trong khuôn viên thư viện;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cho phép số lượng người đọc tại cùng một thời điểm vượt quá số lượng bản sao của tác phẩm do thư viện nắm giữ, trừ trường hợp được chủ sở hữu quyền cho phép khi thực hiện sao chép hoặc truyền tác phẩm được lưu giữ để sử dụng liên thông thư viện thông qua mạng máy tính trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp ra bên ngoài khuôn viên của các thư viện được sử dụng hợp pháp các bản sao tác phẩm dưới dạng kỹ thuật số khi thực hiện sao chép hoặc truyền tác phẩm được lưu giữ để sử dụng liên thông thư viện thông qua mạng máy tính trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả.

3. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm của tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP theo quy định như sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận của tổ chức mình hoặc không thực hiện chế độ báo cáo về việc thực hiện các hoạt động trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật với cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận của tổ chức, trừ trường hợp tổ chức không có trang thông tin điện tử;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi sao chép, phân phối, biểu diễn, truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận của tác phẩm trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật mà không có quyền tiếp cận hợp pháp bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;

d) Từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sao chép, phân phối, biểu diễn, truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận của tác phẩm trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người

khuyết tật mà không đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;

đ) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sao chép, phân phối, biểu diễn, truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận trong trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật cho chủ thể không phải người khuyết tật hoặc không phải tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 và các điểm c, d, đ khoản 3 Điều này;

b) Buộc thông tin về tên tác giả, nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm, thông tin về cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc đặt thông báo về việc tạo bản sao phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với các thiết bị sao chép đặt trong khuôn viên thư viện đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

d) Buộc có biện pháp kiểm soát số lượng người truy cập trong liên thông thư viện theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

đ) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản sao đã cung cấp tới công chúng đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

e) Buộc thông báo danh mục hoặc thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

g) Buộc công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, trừ trường hợp tổ chức không có trang thông tin điện tử;

h) Buộc thu hồi bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận đối với hành vi quy định tại các điểm c, d và đ khoản 3 Điều này.

Điều 38. Hành vi vi phạm quy định về trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp danh mục, thời lượng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khi sử dụng tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại hoặc bản ghi âm, ghi hình đã được công bố nhằm mục đích thương mại trong nhà hàng, quán cà phê, khách sạn, cửa hàng, siêu thị, khu vui chơi, giải trí, trung tâm thương mại; câu lạc bộ thể dục, chăm sóc sức khỏe - thẩm mỹ, hàng không, giao thông công cộng và các hoạt động kinh doanh, thương mại có bản chất tương tự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 và khoản 1, khoản 2 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khi sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 và khoản 1, khoản 2 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khi sử dụng tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại hoặc bản ghi âm, ghi hình đã được công bố nhằm mục đích thương mại trong cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, quán bar, vũ trường và các hoạt động kinh doanh, thương mại có bản chất tương tự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 và khoản 1, khoản 2 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi ngăn chặn, cản trở việc phổ biến, sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khi thực hiện quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp danh mục, thời lượng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã sử dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

c) Buộc gỡ bỏ biện pháp ngăn chặn, cản trở việc phổ biến, sử dụng trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 39. Hành vi xâm phạm quyền áp dụng biện pháp công nghệ hữu hiệu bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu biện pháp công nghệ hữu hiệu do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan thực hiện để bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của mình theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo, quảng bá, tiếp thị các thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện đó được sản xuất, sử dụng nhằm vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi phân phối, nhập khẩu, chào bán, bán, cho thuê hoặc tàng trữ nhằm mục đích thương mại các thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện, giới thiệu hoặc cung cấp dịch vụ khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị, sản phẩm, linh kiện hoặc dịch vụ đó được sản xuất, sử dụng nhằm vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất các thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện đó được sản xuất, sử dụng nhằm vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan.

5. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, chào bán, bán hoặc cho thuê thiết bị hoặc hệ thống khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị hoặc hệ thống đó giải mã trái phép hoặc chủ yếu để giúp cho việc giải mã trái phép tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

6. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi cố ý thu và phân phối tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa khi tín hiệu đã được giải mã mà không được phép của người phân phối hợp pháp.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này, trừ trường hợp thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện được nhập khẩu.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi báo, tạp chí in có quảng cáo đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Buộc tái xuất tang vật vi phạm đối với hành vi nhập khẩu quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc tái xuất thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy.

đ) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản gốc, bản sao vi phạm trên phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều này.

Điều 40. Hành vi xâm phạm quyền áp dụng thông tin quản lý quyền để tự bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cố ý xóa, gỡ bỏ hoặc thay đổi thông tin quản lý quyền mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khi biết hoặc có cơ sở để biết việc thực hiện hành vi đó sẽ xúi giục, tạo khả năng, tạo điều kiện thuận lợi hoặc che giấu hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi cố ý phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng khi biết hoặc có cơ sở để biết thông tin quản lý quyền đã bị xóa, gỡ bỏ, thay đổi mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan; khi biết hoặc có cơ sở để biết việc thực hiện hành vi đó sẽ xúi giục, tạo khả năng, tạo điều kiện thuận lợi hoặc che giấu hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cố ý phát sóng, truyền đạt hoặc cung cấp đến công chúng bản sao tác phẩm, bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng khi biết hoặc có cơ sở để biết thông tin quản lý quyền đã bị xóa, gỡ bỏ, thay đổi mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan; khi biết hoặc có cơ sở để biết việc thực hiện hành vi đó sẽ xúi giục, tạo khả năng, tạo điều kiện thuận lợi hoặc che giấu hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này, trừ trường hợp bản sao được nhập khẩu.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tái xuất tang vật vi phạm đối với hành vi nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không áp dụng được biện pháp buộc tái xuất thì áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy;

c) Buộc gỡ bỏ hoặc xóa bản sao tác phẩm, bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet hoặc buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 41. Hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cảnh báo cho người sử dụng dịch vụ về trách nhiệm pháp lý của họ nếu họ thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Không công bố quy trình nội bộ xử lý yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hoặc yêu cầu phản đối việc tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số trên hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo đầu mối liên lạc về vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định hoặc không công khai đầu mối liên lạc về vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan trên trang thông tin điện tử của mình;

b) Không cung cấp thông tin người dùng khi nhận được yêu cầu bằng văn bản từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để phục vụ xác minh, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP trong trường hợp doanh nghiệp không xây dựng công

cụ tiếp nhận yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP trong trường hợp thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo cho bên có nội dung thông tin số bị gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập về hành vi gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền;

b) Không báo cáo kết quả thực hiện cho cơ quan đã gửi yêu cầu và cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong vòng 24 giờ kể từ khi gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không thông báo cho bên yêu cầu và bên bị yêu cầu về việc đã tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên yêu cầu cung cấp trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu và đã thực hiện tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số đó theo quy định;

d) Không chuyển tiếp cho bên yêu cầu văn bản yêu cầu phản đối kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên bị yêu cầu cung cấp trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được và đã thực hiện khôi phục lại nội dung thông tin số đã bị gỡ bỏ hoặc ngăn chặn;

đ) Không thông báo cho bên yêu cầu và bên bị yêu cầu về việc đã tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn ngay lập tức việc truy nhập tới nội dung thông tin số được phát trực tiếp khi nhận được yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên yêu cầu chủ động cung cấp trước khi phát trực tiếp tối thiểu 24 giờ.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP trong trường hợp thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn nội dung thông tin số hoặc khôi phục lại nội dung thông tin số đã bị gỡ bỏ hoặc ngăn chặn khi chưa nhận đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh từ bên yêu cầu hoặc bên bị yêu cầu;

b) Không tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn của bên yêu cầu kèm theo tài liệu, chứng cứ, chứng minh theo quy định;

c) Không khôi phục lại nội dung thông tin số đã bị tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được thông báo của bên bị yêu cầu về việc phản đối việc tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh theo quy định;

d) Không tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn ngay lập tức việc truy nhập tới nội dung thông tin số được phát trực tiếp khi nhận được yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh do bên yêu cầu chủ động cung cấp trước khi phát trực tiếp tối thiểu 24 giờ;

6. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi lạm dụng quy trình gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh sai sự thật cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian.

7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP trong trường hợp không thực hiện gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cảnh báo cho người sử dụng dịch vụ đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc công bố quy trình nội bộ đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc thông báo đầu mối liên lạc đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

d) Buộc cung cấp thông tin người dùng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

đ) Buộc xây dựng công cụ tiếp nhận yêu cầu đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

e) Buộc báo cáo kết quả thực hiện đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

g) Buộc tạm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn đối với hành vi quy định tại điểm b và điểm d khoản 5 Điều này;

h) Buộc khôi phục lại nội dung thông tin số đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;

i) Buộc gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH KHÁC VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 42. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị chấp thuận và văn bản chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu hoặc đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực thông tin các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung văn bản chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu hoặc đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi văn bản chấp thuận và gỡ bỏ trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet trong trường hợp đã cấp văn bản chấp thuận đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại văn bản chấp thuận đã bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan có thẩm quyền cấp văn bản chấp thuận và gỡ bỏ trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 43. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị chấp thuận và văn bản chấp thuận việc dịch hoặc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực thông tin các giấy tờ, tài liệu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại;

b) Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung văn bản chấp thuận quy định thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại;

b) Việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi văn bản chấp thuận và gỡ bỏ trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet trong trường hợp đã cấp đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại văn bản chấp thuận đã bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan có thẩm quyền cấp văn bản chấp thuận và gỡ bỏ trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 44. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực thông tin các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ để được cấp, cấp lại, cấp đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan khi đã có quyết định hủy bỏ hiệu lực hoặc thu hồi của cơ quan có thẩm quyền;

b) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan;

c) Không nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan khi cơ quan có thẩm quyền đã ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực hoặc thu hồi;

d) Lợi dụng thủ tục đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan để ngăn chặn, cản trở việc thực hiện quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức, cá nhân khác.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan và gỡ bỏ trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại khoản 1 trong trường hợp đã được cấp và điểm a và điểm c khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan có thẩm quyền cấp và gỡ bỏ trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 45. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đăng tải công khai thông tin tìm kiếm trên trang thông tin điện tử của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp không tìm thấy hoặc không liên lạc được với tác giả, đồng tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền để phân chia tiền bản quyền thu được.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Báo cáo không đầy đủ về hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Công khai không đầy đủ Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán tại Hội nghị thường niên hoặc đăng tải không đầy đủ trên trang thông tin điện tử của tổ chức;

c) Không gửi kèm các thông tin về các khoản phải trả đối với mỗi tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được cấp

phép sử dụng và khoảng thời gian diễn ra việc sử dụng làm căn cứ để thu và phân chia tiền bản quyền cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền khi thực hiện phân chia tiền bản quyền thu được.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không công khai Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán tại Hội nghị thường niên hoặc không đăng tải trên trang thông tin điện tử của tổ chức;

c) Công khai không đầy đủ thông tin về tác phẩm, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền cho tổ chức trên trang thông tin điện tử của tổ chức;

d) Lưu trữ không tách biệt các khoản tiền bản quyền thu từ việc cấp phép với các tài sản, tài khoản, các khoản thu, chi khác của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật;

đ) Không thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan để hội viên ủy quyền được quyền ứng cử, bầu cử vào các chức danh lãnh đạo, quản lý, kiểm soát của tổ chức.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động ngoài phạm vi hợp đồng ủy quyền bằng văn bản với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;

b) Không công khai thông tin về tác phẩm, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền cho tổ chức trên trang thông tin điện tử của tổ chức.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện các hoạt động mà không có hợp đồng ủy quyền bằng văn bản với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.

6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giữ lại khoản tiền không theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền bản quyền thu được của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Sử dụng sai quy định khoản tiền được giữ lại của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Không thực hiện bàn giao khoản tiền bản quyền thu được, các khoản lãi ngân hàng phát sinh và các tài liệu liên quan đến việc ủy quyền, thu tiền bản quyền về cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý sau khi trừ chi phí quản lý, tìm kiếm theo quy định của pháp luật trong trường hợp đã quá 5 năm tìm kiếm mà không tìm thấy hoặc không liên lạc được với tác giả, đồng tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền;

d) Không xây dựng biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền theo quy định của pháp luật.

7. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động ngoài lĩnh vực đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b) Đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan vì mục đích lợi nhuận.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng tải công khai thông tin tìm kiếm trên trang thông tin điện tử của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc báo cáo đầy đủ về hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này;

c) Buộc công khai hoặc đăng tải đầy đủ báo cáo thường niên, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này;

d) Buộc gửi kèm các thông tin liên quan đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

đ) Buộc công khai đầy đủ thông tin đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều này;

e) Buộc lưu trữ các khoản tiền bản quyền thu từ việc cấp phép trong tài khoản tách biệt với các tài sản, tài khoản, các khoản thu, chi khác của tổ chức đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

g) Buộc thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

h) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được từ việc thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5; điểm a và điểm b khoản 7 Điều này;

i) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khoản tiền giữ lại không theo tỷ lệ quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 6 Điều này;

k) Buộc hoàn trả cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khoản tiền sử dụng sai quy định đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 6 Điều này;

l) Buộc bàn giao khoản tiền bản quyền thu được, các khoản lãi ngân hàng phát sinh và các tài liệu liên quan về cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 6 Điều này;

m) Buộc xây dựng biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 6 Điều này.

Điều 46. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động thu, phân chia tiền bản quyền theo ủy quyền mà không do tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đăng tải không đầy đủ Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán về hoạt động thu, phân chia tiền bản quyền trên trang thông tin điện tử của tổ chức.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Báo cáo không đầy đủ về hoạt động thu, phân chia tiền bản quyền theo ủy quyền cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không đăng tải Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán về hoạt động thu, phân chia tiền bản quyền trên trang thông tin điện tử của tổ chức;

c) Công khai không đầy đủ thông tin về tác phẩm, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền cho tổ chức trên trang thông tin điện tử của tổ chức;

d) Không gửi kèm các thông tin về các khoản phải trả đối với mỗi tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được cấp phép sử dụng và khoảng thời gian diễn ra việc sử dụng làm căn cứ để thu và phân chia tiền bản quyền cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền khi thực hiện phân chia tiền bản quyền thu được.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện chế độ báo cáo, thông tin về hoạt động hoạt động thu, phân chia tiền bản quyền theo ủy quyền cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không công khai thông tin về tác phẩm, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền cho tổ chức trên trang thông tin điện tử của tổ chức.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động ngoài phạm vi hợp đồng ủy quyền bằng văn bản với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;

b) Trả tiền không theo đúng thỏa thuận với tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan trên tổng số tiền bản quyền thu được theo ủy quyền.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện các hoạt động mà không có hợp đồng ủy quyền bằng văn bản với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.

6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan có hoạt động thu, phân chia tiền bản quyền theo ủy quyền mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ghi nhận.

7. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi mạo danh tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan để hoạt động.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng tải đầy đủ Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đối với hành vi quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc đăng tải công khai thông tin đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này;

c) Buộc gửi kèm các thông tin đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

d) Buộc thực hiện chế độ báo cáo, thông tin theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này.

Điều 47. Hành vi vi phạm quy định về giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không giải thích kết luận giám định khi có yêu cầu theo quy định;
- b) Không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục giám định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lập hồ sơ giám định, không thực hiện việc bảo quản các hiện vật, tài liệu liên quan đến vụ việc giám định về quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không giữ bí mật thông tin, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân có liên quan;
- b) Không thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình hoạt động giám định với cơ quan có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan, Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Kê khai không trung thực các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị kiểm tra nghiệp vụ giám định, hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan, hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Thực hiện không đúng hình thức hoạt động giám định của giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan đã được ghi nhận theo quy định;

d) Tổ chức hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan hoạt động không đúng lĩnh vực giám định được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lợi dụng tư cách giám định và hoạt động giám định để trục lợi;

b) Cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật;

c) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung văn bản kết luận giám định;

d) Thực hiện giám định về quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp phải từ chối giám định theo quy định.

6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện giám định khi không có Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Sử dụng Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan của người khác hoặc tổ chức khác để hành nghề giám định;

c) Cho người khác hoặc tổ chức khác sử dụng Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan để hành nghề giám định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan từ 1 tháng đến 3 tháng đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình hoạt động giám định đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan cho cơ quan có thẩm quyền cấp và gỡ bỏ trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

c) Buộc thu hồi Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp đã cấp và gỡ bỏ trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 và điểm b khoản 6 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c và điểm d khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Điều 48. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động của tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động tư vấn, dịch vụ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không bảo đảm điều kiện của người đứng đầu tổ chức tư vấn, dịch vụ về quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định;

b) Sử dụng người tư vấn, dịch vụ về quyền tác giả, quyền liên quan không đủ điều kiện theo quy định;

c) Không gửi văn bản thông báo đến cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi thông tin của tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan mà không được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận theo quy định.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi mạo danh tổ chức tư vấn, dịch vụ để tiến hành các hoạt động tư vấn, dịch vụ về quyền tác giả, quyền liên quan.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện chế độ báo cáo, thông tin theo quy định đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc gửi văn bản thông báo đến cơ quan có thẩm quyền được đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 49. Vi phạm quy định về niêm phong, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm trong quá trình thanh tra, kiểm tra

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tháo gỡ, phá bỏ niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đang bị niêm phong hoặc tạm giữ.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi số lượng, chủng loại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đang bị niêm phong hoặc tạm giữ.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đang bị niêm phong hoặc tạm giữ.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tẩu tán hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

- Phương án 1:**Chương III****QUY TRÌNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN****Điều 50. Quyền yêu cầu xử phạt vi phạm và thẩm quyền chủ động phát hiện xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan**

1. Chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan có quyền yêu cầu xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan bao gồm:

a) Tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan bị thiệt hại do hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tác giả, quyền liên quan bị thiệt hại do hành vi vi phạm, nếu không bị chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hạn chế quyền yêu cầu xử phạt vi phạm.

Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản này khi thực hiện quyền yêu cầu xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan phải nêu rõ tính chất, mức độ vi phạm trong đơn yêu cầu và cung cấp các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

2. Tổ chức, cá nhân phát hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác; tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan có quyền thông báo kèm theo tài liệu, chứng cứ về hành vi xâm phạm và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục xác minh, xử phạt vi phạm.

Khi nhận được thông báo kèm theo tài liệu, chứng cứ về hành vi xâm phạm của tổ chức, cá nhân quy định tại khoản này, cơ quan có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm kiểm tra và phối hợp với chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan xác minh, xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cơ quan có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chủ động kiểm tra, thanh tra, phát hiện và phối hợp với chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan xác minh, xử phạt vi phạm liên quan đến các đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Đơn yêu cầu xử phạt tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định về đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan tại Điều 75 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP; tài liệu, chứng cứ tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại các điều 76, 77 và 78 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

Điều 51. Ủy quyền yêu cầu xử phạt vi phạm

1. Chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 50 của Nghị định này nếu không trực tiếp nộp đơn yêu cầu xử phạt vi phạm thì có thể ủy quyền cho tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan, tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật tiến hành thủ tục yêu cầu xử phạt vi phạm.

2. Việc ủy quyền phải được làm bằng văn bản dưới hình thức giấy ủy quyền hoặc hợp đồng ủy quyền.

Văn bản ủy quyền của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp của bên ủy quyền và con dấu xác nhận của bên ủy quyền, nếu có con dấu đăng ký hợp pháp. Trường hợp ủy quyền giữa cá nhân với cá nhân hoặc với tổ chức không có con dấu đăng ký hợp pháp thì phải có công chứng, chứng thực.

Văn bản ủy quyền của tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có công chứng, chứng thực hoặc hợp pháp hóa lãnh sự.

3. Văn bản ủy quyền nộp kèm theo đơn yêu cầu xử phạt vi phạm phải là bản gốc hoặc bản sao chứng thực. Văn bản ủy quyền làm bằng tiếng nước ngoài phải nộp kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có công chứng, chứng thực.

Trường hợp văn bản ủy quyền là bản sao của văn bản ủy quyền đã nộp trong hồ sơ trước đó cho cùng cơ quan xử lý vi phạm thì cũng được coi là hợp lệ, với điều kiện người nộp đơn phải chỉ rõ số hồ sơ đã nộp và văn bản ủy quyền được chỉ dẫn vẫn đang có hiệu lực và đúng nội dung ủy quyền.

4. Văn bản ủy quyền có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ đầy đủ của bên ủy quyền và bên được ủy quyền; Phạm vi ủy quyền; Thời hạn ủy quyền; Ngày lập giấy ủy quyền; Chữ ký, con dấu (nếu có) của bên ủy quyền.

5. Thời hạn ủy quyền được xác định theo thời hạn ghi trong văn bản ủy quyền. Trong trường hợp văn bản ủy quyền không ghi rõ thời hạn thì thời hạn ủy quyền được coi là có hiệu lực vô thời hạn và chỉ chấm dứt hiệu lực khi bên ủy quyền tuyên bố chấm dứt ủy quyền.

Điều 52. Trình tự, thủ tục giải quyết đơn yêu cầu xử phạt vi phạm

1. Việc nộp đơn và giải quyết đơn yêu cầu xử phạt vi phạm thực hiện theo quy định về nộp đơn và giải quyết đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan tại Điều 80 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

2. Quyền và trách nhiệm của bên bị yêu cầu xử phạt vi phạm:

a) Trong quá trình xử lý vụ việc, bên bị yêu cầu xử phạt có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của người có thẩm quyền cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ, giải trình trong trường hợp không đồng ý với bên yêu cầu xử phạt vi phạm trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được ấn định trong thông báo của người có thẩm quyền đang thụ lý vụ vi phạm hoặc ngày lập biên bản thanh tra, biên bản vi phạm hành chính;

b) Bên bị yêu cầu xử phạt có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Điều 51 của Nghị định này thực hiện việc cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ, giải trình quy định tại điểm a khoản này.

Điều 53. Cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông tin xác định vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân yêu cầu xử phạt vi phạm có thể thực hiện dịch vụ yêu cầu giám định quyền tác giả, quyền liên quan về xác định phạm vi bảo hộ và yếu tố vi phạm, chủ động cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi vi phạm hoặc làm rõ các tình tiết của vụ việc.

2. Cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm có thể yêu cầu:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân yêu cầu xử phạt vi phạm cung cấp tài liệu, chứng cứ, ý kiến giải trình hoặc làm rõ các tình tiết của vụ việc trong thời hạn xác định;

b) Yêu cầu chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan cung cấp: thông tin, tài liệu, tác phẩm, đối tượng quyền liên quan để nhận biết dấu hiệu vi phạm, xác định tác phẩm, đối tượng quyền liên quan bị xâm phạm; nguồn cung cấp hoặc nơi tiêu thụ tác phẩm, đối tượng quyền liên quan; căn cứ xác định tác phẩm, đối tượng quyền liên quan ngoài phạm vi được quyền sử dụng hoặc nhập khẩu không phải là tác phẩm, đối tượng quyền liên quan nhập khẩu song song.

3. Cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm có thể tự mình tiến hành kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, xác định phạm vi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan và xác định hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan. Trường hợp cần thiết có thể đề nghị cơ quan chức năng tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ vi phạm, yêu cầu cơ quan nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan cung cấp ý kiến chuyên môn hoặc yêu cầu giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm có thể dựa trên văn bản cam kết xác nhận tác phẩm, đối tượng quyền liên quan bị xâm phạm của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, văn bản ý kiến chuyên môn của cơ quan nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, văn bản kết luận giám định để xác định hành vi vi phạm nhưng phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với kết luận vi phạm và quyết định xử phạt vi phạm của mình.

5. Cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm có thể cung cấp thông tin liên quan đến nơi sản xuất, kênh tiêu thụ, nguồn cung cấp tác phẩm, đối tượng quyền liên quan vi phạm và các tình tiết của vụ việc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân yêu cầu xử phạt vi phạm hoặc của người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp hoặc xử phạt vi phạm thuộc các cơ quan, tổ chức khác với điều kiện việc cung cấp thông tin, tài liệu đó không làm ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý vụ việc liên quan và không thuộc trường hợp bảo mật theo quy định của pháp luật.

6. Cơ quan có thẩm quyền xử phạt có quyền yêu cầu bên bị yêu cầu xử phạt vi phạm và các bên có quyền và lợi ích liên quan trong vụ vi phạm cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu, lập luận của mình hoặc phản biện yêu cầu, lập luận của bên khác; yêu cầu bên đang lưu giữ hoặc kiểm soát tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ vi phạm phải xuất trình tài liệu, chứng cứ đó để làm căn cứ giải quyết vụ việc.

7. Chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc người đại diện được ủy quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt cho phép tham gia và hỗ trợ hoạt động thanh tra, kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, xác định hành vi vi phạm liên quan. Cơ quan có thẩm quyền xử phạt quyết định việc cho phép tham gia theo đề nghị quy định tại khoản này.

Điều 54. Xử lý vụ việc vi phạm khi có tranh chấp

1. Trường hợp có phát sinh khiếu nại, tố cáo hoặc tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan sau khi đơn yêu cầu xử phạt vi phạm được thụ lý thì cơ quan có thẩm quyền thụ lý vụ việc thực hiện các biện pháp xử lý sau đây:

a) Yêu cầu các bên liên quan thực hiện thủ tục yêu cầu giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Yêu cầu chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan giải trình, cung cấp bổ sung chứng cứ chứng minh tư cách chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan (nếu có) và cam kết về tính hợp pháp của hồ sơ đang có khiếu nại, tố cáo, tranh chấp hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan cung cấp thông tin ghi nhận về tác giả, tác phẩm, chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan đang có khiếu nại, tố cáo, tranh chấp.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản giải trình, cam kết của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan hoặc văn bản trả lời của cơ quan nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, cơ quan có thẩm quyền thụ lý vụ việc có trách nhiệm trả lời người yêu cầu xử phạt vi phạm về việc tiến hành thủ tục xử phạt hoặc từ chối xử phạt vi phạm.

2. Trong quá trình giải quyết vụ việc, nếu chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan có yêu cầu hoặc các bên trong vụ việc thỏa thuận được với nhau và đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bên thứ ba, người tiêu dùng và xã hội thì cơ quan có thẩm quyền xử phạt ghi nhận yêu cầu, biện pháp giải quyết đó và dừng xử lý vụ việc.

Điều 55. Từ chối, dừng xử phạt vi phạm

1. Cơ quan xử phạt vi phạm từ chối xử phạt vi phạm trong các trường hợp sau đây:

a) Đơn yêu cầu xử phạt vi phạm được nộp khi đang có tranh chấp quyền tác giả, quyền liên quan liên quan;

b) Người yêu cầu xử phạt vi phạm không đáp ứng yêu cầu của cơ quan xử phạt vi phạm về giải trình, bổ sung chứng cứ chứng minh tư cách chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan và chứng minh vi phạm theo quy định tại Điều 77, Điều 78 và khoản 3 Điều 80 của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP;

c) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định;

d) Kết quả xác minh của cơ quan xử phạt vi phạm hoặc cơ quan công an cho thấy không có vi phạm như mô tả trong đơn yêu cầu xử phạt vi phạm;

đ) Có kết luận, quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc không đủ căn cứ để tiến hành thủ tục xử phạt vi phạm;

e) Hành vi không bị coi là vi phạm theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan hoặc không bị xử phạt hành chính theo quy định của Nghị định này.

2. Người thụ lý đơn yêu cầu xử phạt vi phạm phải dừng thủ tục xử phạt vi phạm trong các trường hợp sau đây:

a) Có phát sinh khiếu nại, tố cáo, tranh chấp sau khi đã thụ lý đơn yêu cầu xử phạt vi phạm và phải chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Nghị định này;

b) Chưa có đủ căn cứ xác định hành vi vi phạm sau khi đã thụ lý đơn yêu cầu xử phạt vi phạm;

c) Người nộp đơn yêu cầu xử phạt vi phạm có văn bản rút yêu cầu xử phạt vi phạm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Các bên tự thỏa thuận để giải quyết vụ việc theo quy định tại khoản 2 Điều 54 của Nghị định này.

3. Trường hợp đã đủ tài liệu, chứng cứ, thông tin để khẳng định hành vi vi phạm liên quan đến tác phẩm, đối tượng quyền liên quan thì người có thẩm quyền xử phạt vẫn tiến hành thủ tục xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm đó, mặc dù nhận được thông báo rút yêu cầu xử phạt vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 56. Phối hợp xử lý vi phạm

1. Yêu cầu phối hợp xử lý vi phạm:

a) Trường hợp vụ việc vi phạm có tình tiết phức tạp hoặc có liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân khác nhau thì cơ quan có thẩm quyền thụ lý đơn yêu cầu xử phạt vi phạm có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền và cơ quan nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan ở địa phương liên quan phối hợp xử lý vi phạm. Yêu cầu phối hợp xử lý vi phạm phải có thông tin tóm tắt về vụ việc và kiến nghị những nội dung cần phối hợp xử lý để cơ quan nhận yêu cầu trả lời;

b) Cơ quan nhận yêu cầu phối hợp xử lý vi phạm có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trường hợp từ chối phối hợp xử lý thì phải nêu rõ lý do.

2. Sử dụng kết quả xem xét, xử lý đơn yêu cầu xử phạt vi phạm của cơ quan khác:

a) Cơ quan xử phạt vi phạm có quyền sử dụng kết quả xác định hành vi vi phạm, xác định giá trị tác phẩm, đối tượng quyền liên quan vi phạm do cơ quan có thẩm quyền khác thực hiện (nếu có) để bảo đảm thống nhất về biện pháp xử phạt và mức phạt đối với các hành vi vi phạm giống nhau, tương tự nhau hoặc cùng liên quan đến một tác phẩm, đối tượng quyền liên quan của cùng chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Trường hợp có ý kiến, kết luận, quyết định khác nhau giữa các cơ quan có thẩm quyền về xác định hành vi vi phạm, biện pháp, mức độ xử phạt vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm có thể lập hội đồng tư vấn gồm các chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực chuyên môn liên quan để giúp người có thẩm quyền kết luận về hành vi vi phạm.

Điều 57. Thủ tục xử phạt

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 58. Thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Trong trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại các văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận, Thẻ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung thì thực hiện như sau:

a) Người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại các văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận, Thẻ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 85 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện các văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận, Thẻ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành và gửi biên lai hoặc tài liệu chứng minh đã nộp văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận, Thẻ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho người có thẩm quyền ra quyết định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản này;

c) Người có thẩm quyền ra quyết định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản này phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp các văn bản chấp thuận, Giấy chứng nhận, Thẻ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung đó.

3. Trong trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân bằng văn bản thì thực hiện như sau:

a) Người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân bằng văn bản thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 85 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm gửi văn bản xin lỗi cho tổ chức, cá nhân được xin lỗi và cho người có thẩm quyền ra quyết định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản này.

4. Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thực hiện việc thu tiền phạt, trích chuyển nộp tiền phạt, hoàn trả tiền nộp phạt căn cứ theo quyết định xử lý vụ việc của người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính

Việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 60. Thủ tục xử phạt đối với những hành vi đồng thời được quy định trong Bộ luật Hình sự

Khi phát hiện hành vi vi phạm hoặc trong quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các điều 13, 16, 20, 22, 26, 27, 32 và 35 của Nghị định này, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 62 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự; quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự; quyết định đình chỉ điều tra bị can; quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can; quyết định đình chỉ vụ án; quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can và trả lại hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến, thì chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 62 và Điều 63 của Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

- Phương án 2:

Không quy định Chương III về Quy trình xử lý vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.

Chương IV

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 61. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Các chức danh quy định tại các điều 63, 64, 65, 66, 67, 68 và 69 của Nghị định này; công chức, viên chức ngành văn hóa, thể thao và du lịch; người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; chiến sĩ Bộ đội biên phòng; Trạm trưởng, Đội trưởng của chiến sĩ Bộ đội biên phòng; người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu và những người được chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản; cảnh sát viên Cảnh sát biển, Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển; công chức Hải quan; Đội trưởng, Tổ trưởng thuộc Chi cục Hải quan; Tổ trưởng thuộc Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan; Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ, nhiệm vụ khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan thì được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 62. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thanh tra, Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan và Quản lý thị trường

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này xảy ra tại địa phương theo quy định tại Điều 63 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này như sau:

a) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thanh tra Văn hóa và Thể thao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 64 Nghị định này;

b) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 7, 8, 9, 10, khoản 2 Điều 11, các điều 13, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 25, 26, 27, 30, 31, 32, 34, 35, 38, 39, 40 và 41 của Nghị định này theo quy định tại Điều 64 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Giao thông vận tải có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 36, hành vi xảy ra trong hoạt động hàng không, giao thông công cộng quy định tại khoản 1 Điều 38 của Nghị định này theo quy định tại Điều 64 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Những người có thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này theo quy định tại Điều 65 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Những người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 14, 23, 28, 33, 36, hành vi nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 39 và khoản 2

Điều 40 của Nghị định này theo quy định tại Điều 66 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Những người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 14, 23, 28, 33, 36, hành vi xảy ra trong hoạt động giao thông công cộng quy định tại khoản 1 Điều 38, hành vi nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại các khoản 3, 5 Điều 39 và khoản 2 Điều 40 của Nghị định này theo quy định tại Điều 67 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

6. Những người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 14, 23, 28, 33, 36, hành vi nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 39 và khoản 2 Điều 40 của Nghị định này theo quy định tại Điều 68 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

7. Những người có thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 4 Điều 7, các điều 12, 13, 16, 20, 22, 24, 26, 27, 29, 32, 35, các khoản 1, 3 Điều 36, các khoản 1, 2, 3 Điều 38, hành vi phân phối, chào bán, bán, cho thuê, tàng trữ nhằm mục đích thương mại, giới thiệu hoặc cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 39, hành vi sản xuất quy định tại khoản 4 Điều 39, hành vi sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, chào bán, bán hoặc cho thuê quy định tại khoản 5 Điều 39 và hành vi phân phối quy định tại khoản 2 Điều 40 của Nghị định này theo quy định tại Điều 69 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 63. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, đ, g, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

Điều 64. Thẩm quyền của Thanh tra

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, Chánh Thanh tra Cục hàng hải Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, đ, g, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

3. Trưởng Đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 175.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 350.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, đ, g, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Tàn số vô tuyến điện, Cục trưởng Cục Viễn thông, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin m, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, đ, g, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

Điều 65. Thẩm quyền của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;

- b) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

Điều 66. Thẩm quyền của Bộ đội biên phòng

1. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

3. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

Điều 67. Thẩm quyền của Cảnh sát biển

1. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

3. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

4. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

5. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

Điều 68. Thẩm quyền của Hải quan

1. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm k khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

Điều 69. Thẩm quyền của Quản lý thị trường

1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, g khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, g khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

3. Tổng cục trưởng Tổng Cục Quản lý thị trường có quyền:

- a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, g, i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3a của Nghị định này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 70. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm .
2. Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan; Điều 1 và khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo và Điều 3 của Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 71. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý. Trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn

đối với hành vi đã xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 131/2013/NĐ-CP, Nghị định số 28/2017/NĐ-CP và Nghị định số 129/2021/NĐ-CP.

Điều 72. Trách nhiệm thi hành Nghị định

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT,

TM. CHÍNH PHỦ